

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 10/2025/HSST

Ngày 21/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Sơn Tây;
Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 335/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1973 tại Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn B Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Phạm Thị M; vợ tên Đỗ Thị D; có một con sinh năm 1994;

Nhân thân:

Ngày 18/11/1998, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 tháng tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 343/HSST (Đã chấp hành xong án phí).

Ngày 17/01/2005, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 09/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/9/2005. Tháng 6/2007 đã nộp 50.000 đồng án phí hình sự.

Ngày 29/5/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 309/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2007

Ngày 26/02/2008 bị Tòa án nhân dân huyện (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù giam về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 43/HSST (Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/7/2011)

Ngày 12/6/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về Tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 331/HSST. Ngày 18/9/2012 đã chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 16/02/2016 đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 22/5/2019 bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù theo Bản án số 82/HSST. Ngày 26/8/2019 đã đóng 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/9/2020.

Ngày 28/9/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù theo Bản án số 241/2021/HSST. Ngày 06/9/2022 đóng 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/01/2024.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/4/2024 đến ngày 02/5/2024 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Ngọc T1, sinh năm 1988 tại Ninh Bình; Nơi cư trú: Khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị T2; vợ tên Ngô Thị B (đã ly hôn); có một con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/4/2024 đến ngày 02/5/2024 sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

- Ông Lữ Văn K1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1979; địa chỉ: xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre; Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1 mới quen biết nhau vào đầu tháng 4 năm 2024. Do không có tiền tiêu xài nên T và T1 bàn bạc với nhau đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Khoảng 01 giờ 10 phút ngày 22/4/2024, Nguyễn Xuân T dùng điện thoại gọi cho Phạm Ngọc T1 hẹn gặp tại quán cà phê không tên thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khi cả hai gặp nhau, T bàn bạc với T1 cùng nhau đi tìm

tài sản để trộm thì T1 đồng ý. Lúc này, T1 điều khiển xe mô tô 93F9-4935 chở T đi đến địa bàn phường H để tìm tài sản, khi đến đoạn đường ĐT747B khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì Toanh kêu T1 đứng ở ngoài đường chờ, còn T đi vào khu N lấy trộm xe mô tô **6181-815.04** nhãn hiệu Sumoto, màu xanh trắng của ông Lữ Văn K1 bán cho một người dân đi đường (không rõ nhân thân lai lịch) với số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), T và T1 cùng chia nhau mỗi người 300.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 23/4/2024, Nguyễn Xuân T tiếp tục gọi điện thoại cho Phạm Ngọc T1 hẹn gặp tại quán cà phê không tên thuộc phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương nhằm mục đích đi tìm tài sản để trộm. T1 điều khiển xe mô tô 93F9-4935 nhãn hiệu Yamaha Jupiter chở theo Toanh đi đến địa bàn phường H, khi đến đoạn đường ĐT747 thuộc khu phố B, phường H, thành phố T, Bình Dương thì T nói với T1 dừng xe lại để T đi bộ tìm tài sản lấy trộm thì T1 đồng ý. Lúc này, T đi bộ dọc theo tuyến đường ĐT747A hướng về ngã 4 đường C để tìm tài sản trộm mà không thấy tài sản để trộm nên T gọi điện thoại cho T1 đến đón tại khu vực gần chợ Q 3, thuộc phường H. Sau đó, T kêu T1 chở dọc theo đoạn đường Đ thuộc khu phố A, phường H, thành phố T hướng về vòng xoay K. Trên đường đi, T nhìn thấy khu nhà trọ S thuộc khu phố A, phường H, thành phố T không đóng cửa nên T nói T1 dừng lại cho T xuống xe và T3 đứng ngoài đợi. Sau khi xuống xe, T đi thẳng vào bên trong khu nhà trọ, nhìn thấy chiếc xe mô tô **53V5-5426** nhãn hiệu Honda Dream, màu nâu, của ông Nguyễn Văn P (sinh năm 1979, ĐKKHTT: Xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre) đang để ngoài hành lang không có người trông coi nên T liền đẩy bộ chiếc xe này ra ngoài đường ĐT 747B nơi T1 đang đứng chờ. Sau đó, T ngồi lên yên xe vừa lấy trộm, còn T1 điều khiển xe mô tô 93F9-4935 dùng chân đẩy xe mô tô T vừa lấy trộm đi về hướng vòng xoay K, đi được khoảng hơn 100m thì bị lực lượng tuần tra Công an phường H tuần tra phát hiện, bắt giữ và đưa về Công an phường làm việc. Qua làm việc, Nguyễn Xuân T, Phạm Ngọc T1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 61B1-815.04 của ông Lữ Văn K1 và xe mô tô biển số 53V5-5426 của ông Nguyễn Văn P. Đối với xe mô tô biển số 61B1-815.04 do T bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch nên Công an phường H không thể thu hồi được xe mô tô trên.

Công an phường H tạm giữ: 01 (một) xe mô tô biển số 53V5-5426 của Nguyễn Văn P; 01 (một) xe mô tô biển số 93F9-4935; 01 (một) điện thoại di động Oppo A12 màu xanh và 01 (một) Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc T1 của Phạm Ngọc T1; 01 (một) điện thoại di động Masstel màu đen của Nguyễn Xuân T.

Sau khi xác lập hồ sơ ban đầu, Công an phường H tiến hành bàn giao Toanh, T1 cùng hồ sơ cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản số 74/KI-HĐĐGTS ngày 26/4/2024 kết luận: xe mô tô 61B1-815.04 nhãn hiệu SUMOTO, màu xanh trắng, số khung RLI WCHIUM6B031056, số máy VLF1P52FMH360031056 trị giá 3.500.000 đồng;

xe mô tô 53V5-5426 nhãn hiệu DRAGON, màu nâu, số khung DR10001021245, số máy LC1500FM01021245 trị giá 3.833.000 đồng. Tổng giá trị là 7.333.000 đồng.

Đối với xe mô tô 53V5-5426 nhãn hiệu DRAGON, màu nâu, số khung DR10001021245, số máy LC1500FM01021245 do ông Nguyễn Văn P (sinh năm 1947, HKTT: Phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu nhưng năm 2016 ông P đã chết. Năm 2019, ông P (sinh năm 1979) mua lại xe này với giá 4.000.000 đồng nhưng đã làm mất giấy tờ mua bán. Qua tra cứu xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng.

Xe mô tô biển số 93F9-4935, số máy VTTJL1P52FMH013860, số khung VTTCCH033TT013860 do ông Huỳnh Hoàng S (sinh năm 1967, HKTT: Ấp A, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước) đứng tên chủ sở hữu. Năm 2020, ông Huỳnh Lâm Nhựt T4 (sinh năm 2000, HKTT: Ấp A, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước là con trai của ông Huỳnh Hoàng S) đã bán lại xe trên nhưng không làm thủ tục sang tên nên ông S, ông T4 không có yêu cầu gì đối với xe mô tô trên. **Phạm Ngọc T1 khai nhận xe trên do T1 mua lại của một thanh niên không rõ nhân thân lại lịch giá 1.000.000 đồng, khi mua thì xe không có giấy tờ gì. Qua tra cứu xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng.**

Về vấn đề dân sự: Ông Lữ Văn K1 yêu cầu bồi thường thiệt hại theo kết luận định giá tài sản trị giá 3.500.000 đồng do xe của ông K1 không thu hồi được. Ông Nguyễn Văn P yêu cầu nhận lại xe mô tô 53V5-5426.

Bản Cáo trạng số 25/CT-VKSTU ngày 25/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về “Tội trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Phạm Ngọc T1 về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Nguyễn Xuân T và bị cáo Phạm Ngọc T1 phạm “Trộm cắp tài sản”.

Về trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: Xe mô tô biển số 93F9-4935, số máy VTTJL1P52FMH013860, số khung VTTDCH033TT013860; Một điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh; Một điện thoại di động hiệu Masstel màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc T1 một chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc T1.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn P (sinh năm 1979) một xe mô tô 53V5-5426 nhãn hiệu DRAGON, màu nâu, số khung DR10001021245, số máy LC1500FM01021245.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc các bị cáo Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1 có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Lữ Văn K1 số tiền 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

- Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Các bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình điều tra, lời khai của họ không mâu thuẫn với lời khai của các bị cáo và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đại diện Viện kiểm sát và các bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên. Xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án như vật chứng thu giữ, lời khai của các bị hại. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Ngày 22/4/2024, tại khu N, địa chỉ: khu phố A, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1 có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô **6181-815.04** nhãn hiệu Sumoto, màu xanh trắng của ông Lữ Văn K1 trị giá 3.500.000 (Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản). Ngày 23/4/2024 tại nhà trọ S1 thuộc khu phố A, phường H, thành phố T, Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1 có hành vi lén lút lấy trộm xe mô tô **53V5-5426** nhãn hiệu Honda Dream,

màu nâu, của ông Nguyễn Văn P (sinh năm 1979) trị giá 3.833.000 đồng (Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản).

Hành vi trên của bị cáo Phạm Ngọc T1 đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Riêng bị cáo Nguyễn Xuân T đã bị Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù theo Bản án số 82/HSST vào ngày 22/5/2019 (đã chấp hành xong hình phạt tù) và bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm tù theo Bản án số 241/2021/HSST ngày 28/9/2021 (đã chấp hành xong hình phạt tù) nhưng chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới. Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Xuân T đủ yếu tố cấu thành Tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng số 25/CT-VKSTU ngày 25/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Phạm Ngọc T1 phạm Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi, lười lao động các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Nguyễn Xuân T đã bị Tòa án kết án bảy lần về Tội trộm cắp tài sản (Trong đó năm lần đã được xóa án tích và hai lần chưa được xóa án tích) nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1 phạm tội hai lần vào ngày 22/4/2024 và 23/4/2024 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về vai trò đồng phạm: Các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn. Vai trò đồng phạm là ngang nhau.

[8] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Xuân T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa đối với bị cáo Phạm Ngọc T1 chưa tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét

xử sẽ quyết định mức hình phạt cao hơn mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Xe mô tô biển số 93F9-4935, số máy VTTJL1P52FMH013860, số khung VTTCCH033TT013860 là phương tiện T1 dùng để chở T5 đi Trộm cắp tài sản. Sau khi lấy trộm được tài sản, T5 ngồi lên xe vừa lấy trộm được, T1 điều khiển xe mô tô biển số 93F9-4935 dùng chân đẩy xe mô tô mà T5 lấy trộm tẩu thoát. Do đó, đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Một điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh và một điện thoại di động hiệu Masstel màu đen là phương tiện các bị cáo dùng để liên hệ với nhau để cùng thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc T1 một chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc T1.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn P (sinh năm 1979) một xe mô tô 53V5-5426 nhãn hiệu DRAGON, màu nâu, số khung DR10001021245, số máy LC1500FM01021245.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

- Chiếc xe mô tô biển số 61B1-815.04 nhãn hiệu SUMOTO, màu xanh trắng, số khung RLI WCHIUM6B031056, số máy VLF1P52FMH360031056 các bị cáo đã bán cho người không rõ nhân thân lai lịch nên không thể thu hồi để trả lại cho ông Lữ Văn K1. Ông Lữ Văn K1 yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 3.500.000 đồng (Theo giá trị tại Kết luận định giá tài sản số 74/KI-HĐĐGTS ngày 26/4/2024). Do đó, cần buộc các bị cáo Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Lữ Văn K1 số tiền 3.500.000 (Ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Ông Nguyễn Văn P (sinh năm 1979) chỉ có yêu cầu nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thêm.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông Lữ Văn K1 nên phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T và bị cáo Phạm Ngọc T1 phạm “Trộm cắp tài sản”.

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày

23/4/2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T1 02 (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 23/4/2024.

2. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: Xe mô tô biển số 93F9-4935, số máy VTTJL1P52FMH013860, số khung VTTDCH033TT013860; Một điện thoại di động hiệu OPPO A12 màu xanh; Một điện thoại di động hiệu Masstel màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc T1 một chứng minh nhân dân mang tên Phạm Ngọc T1.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn P (sinh năm 1979) một xe mô tô 53V5-5426 nhãn hiệu DRAGON, màu nâu, số khung DR10001021245, số máy LC1500FM01021245.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/01/2015 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên)

3. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 587 Bộ luật Dân sự. Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Lữ Văn K1 số tiền 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng.

4. *Về án phí sơ thẩm:*

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Xuân T và Phạm Ngọc T1 có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo; các bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

Ngô Thị Mỹ Trúc